

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CÀ MAU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày: 19 – 4 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thuận

Bà Nguyễn Thu Anh

Ông H4 Anh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Tới – Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Ngọc H1** – sinh năm 1977, tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: ấp Vinh Hoa, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: ấp Bỏ Hủ, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc Lễ - sinh năm 1947 (đã chết), con bà Nguyễn Thị Thảng – sinh năm 1951; Chồng: Nguyễn Thanh N9 – sinh năm 1973, con: 01 người; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 23/7/2020; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Đức Tiến – Luật sư, Văn phòng Luật sư Trần Đức Tiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Người bị hại:

1. Lý Ngọc A1 - sinh năm 1952, có mặt;
2. Nguyễn Hoàng D1 - sinh năm 1977, có mặt;
3. Thái Văn B2 - sinh năm 1972, có mặt;

4. Lâm Mộng N2 - sinh năm 1991, có mặt;
5. Tô Thanh P - sinh năm 1970, có mặt;
6. Nguyễn Thị K2 - sinh năm 1987, có mặt.
7. Lê Thị U1 - sinh năm 1965, có mặt;

Cùng địa chỉ: ấp Bỏ Hủ, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

8. Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1976, có mặt;
9. Võ Thị N1 - sinh năm 1957, có mặt;
10. Nguyễn Văn Mạnh - sinh năm 1974, có mặt;
11. Phạm Thị T2 - sinh năm 1952, có mặt;
12. Mã Thành T3 - sinh năm 1976, có mặt;
13. Đặng Hồng D2 - sinh năm 1966, có mặt;
14. Nguyễn Hồng N3 - sinh năm 1970, có mặt;
15. Phạm Thị Út S - sinh năm 1974, có mặt;
16. Nguyễn Kiều D3 - sinh năm 1993, có mặt;
17. Huỳnh Văn C - sinh năm 1983, có mặt;
18. Nguyễn Văn L4 - sinh năm 1978, có mặt;
19. Nguyễn Thị O2 - sinh năm 1969, có mặt;
20. Trần Thanh N5 - sinh năm 1974, có mặt;
21. Trần Kim L5 - sinh năm 1972, có mặt;
22. Quách Kim A3 - sinh năm 1957, có mặt;
23. Lê Văn T8 - sinh năm 1969, có mặt;
24. Nguyễn Minh D6 - sinh năm 1977, có mặt;
25. Trần Thị U2 - sinh năm 1991, vắng mặt;
26. Hồng Văn N6 - sinh năm 1965, có mặt;
27. Bùi Minh H3 - sinh năm 1986, có mặt;
28. Dương Thị X1 - sinh năm 1970, vắng mặt;
29. Dương Thị N8 - sinh năm 1955, có mặt;
30. Dương Phước H4 - sinh năm 1964, vắng mặt;
31. Trịnh Thị H7, sinh năm 1969, có mặt;
32. Phạm Ngọc M2, sinh năm 1982, có mặt;

Cùng địa chỉ: ấp Mai Hoa, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

33. Tạ Tuyết L1 - sinh năm 1971, có mặt;
34. Nguyễn Hồng A2 - sinh năm 1956, có mặt;
35. Lê Kiều O1 - sinh năm 1985, có mặt;
36. Nguyễn Hồng D4 - sinh năm 1973, có mặt;
37. Trịnh Thị T7 - sinh năm 1980, có mặt;
38. Nguyễn Thu B3 - sinh năm 1968, có mặt;
39. Nguyễn Thị A4 - sinh năm 1959, có mặt;
40. Trịnh Thị N7 - sinh năm 1960, có mặt;
41. Hứa Văn H5 - sinh năm 1973, vắng mặt;
42. Nguyễn Ngọc L9 - sinh năm 1963, có mặt;

Cùng địa chỉ: ấp Kinh Ba, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

43. Nguyễn Kim T4 - sinh năm 1968, có mặt;
44. Trịnh Thị Trà - sinh năm 1969, có mặt;

45. Nguyễn Thúy L6 - sinh năm 1975, có mặt;
 46. Trương Thị L8 - sinh năm 1978, có mặt;
 47. Sử Thị Trúc D8 - sinh năm 1984, có mặt;
 48. Nguyễn Hồng T6 - sinh năm 1977, có mặt;
 Cùng địa chỉ: ấp Vinh Hoa, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
 49. Lê Thị B1 - sinh năm 1968, có mặt;
 50. Lê Thị Trúc L7 - sinh năm 1989, có mặt;
 Cùng địa chỉ: ấp Mai Vinh, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
 51. Vương Trọng L2 - sinh năm 1974, có mặt;
 52. Trương Kim L3 - sinh năm 1964, có mặt;
 53. Hoàng Thị K1 - sinh năm 1978, có mặt;
 54. Tô Thanh N4 – sinh năm 1964, vắng mặt;
 Cùng địa chỉ: ấp Vàm Đầm, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
 55. Nguyễn Hoàng T5 - sinh năm 1962, có mặt;
 Địa chỉ: ấp Mỹ Tân, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 1. Nguyễn Thanh N9 - sinh năm 1973, vắng mặt;
 Địa chỉ ấp Vinh Hoa, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: ấp Bỏ Hủ, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
 2. Chung Thúy D5 - sinh năm 1983, có mặt;
 3. Nguyễn Thị T9 - sinh năm 1961, có mặt;
 4. Ngô Vũ X2 - sinh năm 1977, vắng mặt;
 Cùng địa chỉ: ấp Bỏ Hủ, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
 5. Nguyễn Thị A4 - sinh năm 1954, vắng mặt;
 6. Cao Thị N10 - sinh năm 1973, vắng mặt;
 7. Cao Thị D7 - sinh năm 1979, vắng mặt;
 Cùng địa chỉ: ấp Mai Vinh, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
 8. Hồ Mỹ K3 - sinh năm 1977, vắng mặt;
 9. Huỳnh Văn U3 - sinh năm 1985, vắng mặt;
 Cùng địa chỉ ấp Mai Hoa, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
 10. Ngô Cẩm L10 - sinh năm 1980, vắng mặt;
 11. Nguyễn Văn H6 - sinh năm 1961, vắng mặt;
 Cùng địa chỉ: ấp Kinh Ba, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
 12. Nguyễn Thị M3 - sinh năm 1957, vắng mặt;
 Địa chỉ: ấp 7, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt lúc tuyên án:
 Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1976, Tạ Tuyết L1 – sinh năm 1971, Nguyễn Hoàng D1 – sinh năm 1977, Thái Văn B2 – sinh năm 1972, Vương Trọng L2 – sinh năm 1974, Nguyễn Hồng N3 – sinh năm 1970, Nguyễn Kiều D3 – sinh năm 1973, Huỳnh Văn C – sinh năm 1983, Nguyễn Hồng A2 – sinh năm 1956, Lê Kiều O1 – sinh năm 1985, Trịnh Thị Trà – sinh năm 1969, Trần Kim L5 – sinh năm 1972, Quách Kim A3 – sinh năm 1957, Trịnh Thị T7 – sinh năm 1980, Nguyễn Thị A4 – sinh năm 1959, Lê Thị Trúc L7 – sinh năm 1989, Trịnh Thị N7 – sinh năm

1960, Nguyễn Thị T9 – sinh năm 1961; Còn lại những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt lúc tuyên án không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc H1 làm chủ hội từ năm 2015, đến tháng 5/2017 Hân mở 09 dây hội loại 1.000.000đ và 01 dây hội loại 500.000đ, 15 ngày khai một lần, loại hội có hoa hồng. Quá trình mở hội Hân chỉ thỏa thuận miệng mà không lập danh sách hội viên của các dây hội để đưa cho hội viên theo dõi. Để chiếm đoạt tiền của hội viên, Hân nói dối với các hội viên trong dây hội là có hội viên hốt hội, có hội viên bán hội nhưng tự mình hốt chân hội và tự mình bán chân hội của hội viên trong dây hội, cụ thể:

Dây thứ nhất: Mở ngày 04/10/2017dl (ngày 15/8/2017 âl) loại hội 1.000.000đ/15 ngày, gồm 49 chân (phần), khai được 38 kỳ, còn lại 11 kỳ Hân bỏ trốn. Trong 38 kỳ đã khai, hội viên tham gia hốt (lĩnh hội) 24 kỳ, Hân tự ý hốt 14 kỳ chiếm đoạt số tiền hội viên thực đóng **278.362.000đ** = 19.883.000đ x 14 kỳ.

Còn 25 chân, hội viên đã đóng 38 kỳ nhưng chưa được hốt, cụ thể:

Mỗi chân đóng 19.883.000đ gồm Lê Kiều O1 01 chân, Nguyễn Hoàng T5 02 chân, Nguyễn Hồng T6 01 chân, Nguyễn Thu B3 01 chân, Trịnh Thị H7 01 chân, Dương Phước H4 01 chân, Nguyễn Ngọc L9 02 chân, Lê Thị Trúc L7 02 chân; Mỗi chân đóng 19.756.000đ gồm Nguyễn Hoàng D1 03 chân, Nguyễn Hồng A2 01 chân, Nguyễn Thị A4 01 chân; Trịnh Thị Trà 02 chân, mỗi chân 19.909.000đ; Tô Thanh N4 01 chân số tiền 20.190.000đ; Nguyễn Thúy L6 01 chân số tiền 20.203.000đ; Còn lại Nguyễn Hồng N3 01 chân, Đặng Hồng D2 02 chân, Thái Văn B2 01 chân, Trần Kim L5 01 chân nhưng không nhớ đã đóng mỗi chân bao nhiêu tiền.

Dây thứ hai: Mở ngày 02/3/2018dl (ngày 15/01/2018 âl) loại hội 1.000.000đ/15 ngày, gồm 50 chân, khai được 29 kỳ, còn lại 21 kỳ Hân bỏ trốn. Trong 29 kỳ đã khai hội viên tham gia hốt 20 kỳ, Hân tự ý hốt 09 kỳ chiếm đoạt số tiền hội viên thực đóng **135.657.000đ** = 15.073.000đ x 09 kỳ.

Còn 30 chân, hội viên đã đóng 29 kỳ nhưng chưa được hốt, cụ thể:

Mỗi chân hội đóng 15.073.000đ gồm: Nguyễn Thu B3 01 chân, Bùi Minh H3 01 chân, Dương Thị Xuyên 01 chân, Trương Thị L8 01 chân, Hồng Văn N6 01 chân, Dương Thị N8 01 chân; Mỗi chân đóng 14.537.000đ gồm: Nguyễn Hoàng D1 01 chân, Nguyễn Hồng A2 01 chân, Nguyễn Thị A4 01 chân; Mỗi chân đóng 14.277.000đ gồm: Nguyễn Thị O2 01 chân, Lê Văn T8 01 chân, Huỳnh Thanh U1 02 chân; Nguyễn Thị T1 01 chân số tiền 13.927.000đ, Tô Thanh P 01 chân số tiền 14.908.000đ, Lê Thị U1 02 chân, mỗi chân 15.268.000đ, Hứa Văn H5 01 chân số tiền 15.875.000đ; Còn lại Lý Ngọc A1 01 chân, Đặng Hồng D2 02 chân, Võ Thị N1 01 chân, Thái Văn B2 01 chân, Nguyễn Hồng D4

02 chân, Trần Thanh N5 01 chân, Trần Kim L5 03 chân, Quách Kim A3 01 chân nhưng không nhớ đã đóng mỗi chân bao nhiêu tiền.

Ngoài ra, dây hui này ngày 30/01/2018 Hân bán không cho ông Thái Văn B2 01 chân chiếm đoạt **31.135.000đ**; ngày 15/02/2019, bán không cho ông Nguyễn Hoàng D1 01 chân chiếm đoạt **34.875.000đ**.

Dây thứ ba: Mở ngày 02/3/2018dl (ngày 15/01/2018 âl) loại hui 1.000.000đ/15 ngày, gồm 50 chân, khai được 29 kỳ, còn lại 21 kỳ Hân bỏ trốn. Trong 29 kỳ đã khai hui viên tham gia hót 27 kỳ, Hân tự ý hót 02 kỳ chiếm đoạt số tiền hui viên thực đóng **29.024.000đ** = 14.512.000đ x 02 kỳ.

Còn 23 chân, hui viên đã đóng 29 kỳ nhưng chưa được hót, cụ thể:

Mỗi chân hui đóng 14.512.000đ gồm: Nguyễn Hoàng T5 02 chân, Nguyễn Minh D6 01 chân, Trịnh Thị N7 01 chân, Nguyễn Thu B3 01 chân; Mỗi chân hui đóng 14.537.000đ gồm Nguyễn Thị O2 01 chân, Lê Văn T8 01 chân, Huỳnh Thanh U1 02 chân; Mỗi chân hui đóng 14.277.000đ gồm: Nguyễn Hoàng D1 02 chân, Huỳnh Văn C 01 chân; Mỗi chân hui đóng 14.237.000đ gồm: Tô Thanh P 01 chân, Lê Kiều O1 01 chân; Lê Thị U1 01 chân số tiền 14.907.000đ; Mã Thanh T3 01 chân số tiền 14.372.000đ; Nguyễn Kiều D3 01 chân với số tiền 17.380.000đ; Nguyễn Kim T4 01 chân số tiền 14.833.000đ; Trịnh Thị Trà 02 chân, mỗi chân số tiền 14.362.000đ; Còn lại Thái Văn B2 01 chân, Trần Kim L5 02 chân nhưng không nhớ đã đóng mỗi chân bao nhiêu tiền.

Dây thứ tư: Mở ngày 23/10/2018 (ngày 15/9/2018 âl) loại hui 1.000.000đ/15 ngày, gồm 62 chân, khai được 13 kỳ, còn lại 49 kỳ Hân bỏ trốn. Dây hui này Hân bán không 07 chân hui chiếm đoạt **256.310.000đ**, gồm: Ngày 15/9/2018, bán cho bà Nguyễn Thị T1 01 chân, số tiền 39.680.000đ; Ngày 15/9/2018, bán cho bà Trương Kim L3 01 chân, số tiền 38.040.000đ; Ngày 06/10/2018, bán cho ông Nguyễn Văn M1 01 chân, số tiền 37.220.000đ; Ngày 15/10/2018, bán cho bà Võ Thị N1 01 chân, số tiền 34.170.000đ; Ngày 30/10/2018, bán cho ông Mã Thành T3 01 chân, số tiền 36.630.000đ; Ngày 15/01/2019, bán cho bà Lý Ngọc A1 01 chân, số tiền 35.600.000đ; Ngày 15/3/2019, bán cho bà Lý Ngọc A1 01 chân, số tiền là 34.970.000 đồng.

Dây thứ năm: Mở ngày 10/5/2017 (ngày 15/4/2017 âl) loại hui 1.000.000đ/15 ngày, gồm 52 chân, khai được 48 kỳ, còn lại 04 kỳ Hân bỏ trốn. Trong 48 kỳ đã khai hui viên tham gia hót 31 kỳ, Hân tự ý hót 17 kỳ chiếm đoạt số tiền hui viên thực đóng **393.720.000đ** = 23.160.000đ x 17 kỳ.

Còn 21 chân, hui viên đã đóng 48 kỳ nhưng chưa được hót, cụ thể:

Mỗi chân đã đóng 23.160.000đ gồm: Nguyễn Hoàng T5 04 chân, Nguyễn Thu B3 01 chân, Huỳnh Thanh U1 01 chân, Trịnh Thị H7 01 chân; Mỗi chân đã đóng 23.294.000đ gồm: Nguyễn Hoàng D1 03 chân, Nguyễn Thị A4 02 chân; Mã Thanh T3 01 chân số tiền 23.170.000đ; Hoàng Thị K1 01 chân số tiền 27.430.000đ; Còn lại Nguyễn Thị T1 01 chân, Nguyễn Hồng N3 01 chân, Đặng Hồng D2 04 chân, Phạm Thị Út S 01 chân nhưng không nhớ đã đóng mỗi chân bao nhiêu tiền.

Ngoài ra, dây hui này Hân bán không cho Đặng Hồng D2 01 chân chiếm đoạt **30.550.000đ**.

Dây thứ sáu: Mở ngày 19/02/2019 (ngày 15/01/2019 âl) loại hui 1.000.000đ/15 ngày, gồm 62 chân, khai được 06 kỳ, còn lại 56 kỳ Hân bỏ trốn. Dây hui này Hân bán không 06 chân hui chiếm đoạt **212.080.000đ**, gồm: Ngày 15/9/2018, bán cho bà Nguyễn Thị T1 01 chân, số tiền 36.960.000đ; Ngày 30/01/2019, bán cho bà Tạ Tuyết L1 01 chân, số tiền 36.960.000đ; Ngày 22/02/2019, bán cho bà Tạ Tuyết L1 01 chân, số tiền 31.700.000đ; Ngày 15/01/2019, bán cho bà Lý Ngọc A1 01 chân, số tiền 37.800.000đ; Ngày 15/02/2019, bán cho bà Lý Ngọc A1 02 chân, số tiền 68.660.000đ.

Dây thứ bảy: Mở ngày 04/10/2017 (ngày 15/8/2017 âl) loại hui 1.000.000đ/15 ngày, gồm 49 chân, khai được 38 kỳ, còn lại 11 kỳ Hân bỏ trốn. Trong 38 kỳ đã khai hui viên tham gia hót 25 kỳ, Hân tự ý hót 13 kỳ chiếm đoạt số tiền hui viên thực đóng **261.417.000đ** = 20.109.000đ x 13 kỳ.

Còn 24 chân, hui viên đã đóng 38 kỳ nhưng chưa được hót, gồm:

Mỗi chân đã đóng 20.109.000đ gồm Lê Kiều O1 1 chân, Lâm Mộng N2 01 chân, Trịnh Thị T7 02 chân, Nguyễn Hồng T6 01 chân, Nguyễn Thu B3 01 chân, Nguyễn Ngọc L9 01 chân; Nguyễn Hoàng D1 03 chân, mỗi chân đóng 19.543.000đ; Nguyễn Hoàng T5 03 chân, mỗi chân 20.112.000đ; Nguyễn Thị A4 01 chân với số tiền 19.543.000đ; Nguyễn Kiều D3 01 chân với số tiền 24.942.000đ; Nguyễn Kim T4 01 chân với số tiền 19.909.000đ; Còn lại Nguyễn Hồng N3 02 chân, Đặng Hồng D2 02 chân, Phạm Thị Út S 01 chân, Thái Văn B2 02 chân, Tô Thanh N4 01 chân nhưng không nhớ đã đóng mỗi chân bao nhiêu tiền.

Dây thứ tám: Mở ngày 29/5/2018 (ngày 15/4/2018 âl) loại hui 1.000.000đ/15 ngày, gồm 66 chân, khai được 23 kỳ, còn lại 43 kỳ thì Hân bỏ trốn. Dây hui này Hân bán không 04 chân hui chiếm đoạt **167.850.000đ**, gồm: Ngày 15/4/2018, bán cho Vương Đài Trang 02 chân, số tiền 89.050.000đ; Ngày 15/5/2018, bán cho Thái Văn B2 01 chân, số tiền 40.800.000đ; Ngày 15/9/2018, bán cho Nguyễn Hoàng D1 01 chân, số tiền 38.000.000đ.

Dây thứ chín: Mở ngày 02/3/2018 (ngày 15/01/2018 âl) loại hui 500.000đ/15 ngày, gồm 43 chân, khai được 29 kỳ, còn lại 14 kỳ thì Hân bỏ trốn. Trong 29 kỳ đã khai hui viên tham gia hót 24 kỳ, Hân tự ý hót 05 kỳ chiếm đoạt số tiền hui viên thực đóng **42.340.000đ** = 8.468.000đ x 05 kỳ.

Còn 19 chân, hui viên đã đóng 29 kỳ nhưng chưa được hót, gồm:

Mỗi chân đã đóng 8.468.000đ gồm: Bùi Minh H3 01 chân, Lâm Mộng N2 01 chân, Phạm Thị T2 01 chân, Nguyễn Thị K2 01 chân, Trần Thị U2 01 chân; Mỗi chân đã đóng 8.228.000đ gồm: Tô Thanh P 02 chân, Lê Kiều O1 01 chân; Mỗi chân đã đóng 8.293.000đ gồm Nguyễn Kim T4 01 chân, Trịnh Thị Trà 01 chân; Mỗi chân đã đóng 8.453.000đ gồm Huỳnh Văn C 01 chân, Nguyễn Văn L4 02 chân; Sử Thị Trúc D8 01 chân với số tiền 9.905.000đ; Còn lại Đặng Hồng D2

01 chân, Phạm Thị Út S 01 chân, Thái Văn B2 01 chân, Quách Kim A3 01 chân, Phạm Ngọc M2 01 chân nhưng không nhớ đã đóng mỗi chân bao nhiêu tiền.

Ngoài ra, dây hui này Hân bán không 03 chân hui chiếm đoạt **44.070.000đ**, gồm: Ngày 15/01/2018, bán cho bà Sử Thị Trúc D8 01 chân, số tiền 13.870.000đ; Ngày 30/01/2018, bán cho bà Phạm Thị T2 01 chân, số tiền 15.100.000đ; Ngày 30/01/2018, bán cho bà Lâm Mộng N2 01 chân, số tiền 15.100.000đ.

Dây thứ mười: Mở ngày 04/5/2019 (ngày 30/3/2019 âm) loại hui 1.000.000đ/15 ngày, gồm 46 chân, dây hui này mới khai được 01 kỳ đầu tiên, Hân gom của 05 hui viên 20 chân chiếm đoạt số tiền **12.300.000đ**, gồm: Nguyễn Hồng N3 04 chân, số tiền 2.460.000đ; Nguyễn Hoàng D1 08 chân, số tiền 4.920.000đ; Lê Kiều O1 01 chân, số tiền 615.000đ; Nguyễn Hoàng T5 06 chân, số tiền 3.690.000đ; Nguyễn Minh D6 01 chân, số tiền 615.000đ.

Dây hui này Hân bán không cho bà Lê Thị B1 01 chân số tiền **28.290.000đ**.

Như vậy, tổng số 10 dây hui nêu trên, Hân đã tự ý hốt 60 chân hui và gom 20 chân hui của hui viên chiếm đoạt số tiền 1.152.820.000đ; Bán không 24 chân hui chiếm đoạt 805.160.000đ. Tổng số tiền Hân chiếm đoạt **1.957.980.000đ**.

Cáo trạng số 60/CT-VKS-P1 ngày 30 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Phạm Ngọc H1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt 1.957.980.000 đồng.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 – Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H1 từ 12 đến 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Buộc bị cáo phải trả lại tiền chiếm đoạt của bị hại cho các bị hại.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và số tiền bị cáo chiếm đoạt đúng kết luận của Viện kiểm sát; bị cáo đồng ý trả lại tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho các bị hại theo yêu cầu của các bị hại; yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa: Bị cáo thành khẩn khai báo, quá trình tạm giam bị cáo thấy được việc làm sai trái nên tỏ ra ăn năn hối cải; yêu cầu Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình tiến hành tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cũng như người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo xác định, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra do bị cáo tự khai; Nội dung lời khai của bị cáo đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo thừa nhận bị cáo là chủ hội từ năm 2015, đến năm 2017 bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của hội viên, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 04/10/2017dl (nhằm ngày 15/8/2017âl), loại hội 1.000.000đ/ 15 ngày, 49 chân, hội viên thực hót 24 kỳ, Hân tự mình hót 14 kỳ.

Dây thứ hai: Mở ngày 02/3/2018dl (ngày 15/01/2018 âl) loại hội 1.000.000đ/15 ngày, 50 chân, hội viên thực hót 21 kỳ, Hân tự mình hót 09 kỳ.

Dây thứ ba: Mở ngày 02/3/2018dl (ngày 15/01/2018 âl) loại hội 1.000.000đ/15 ngày, 50 chân, hội viên thực hót 27 kỳ, Hân tự mình hót 02 kỳ.

Dây thứ năm: Mở ngày 10/5/2017 (ngày 15/4/2017 âl) loại hội 1.000.000đ/15 ngày, 52 chân, hội viên thực hót 31 kỳ, Hân tự mình hót 17 kỳ.

Dây thứ bảy: Mở ngày 04/10/2017 (ngày 15/8/2017 âl) loại hội 1.000.000đ/15 ngày, 49 chân, hội viên thực hót 25 kỳ, Hân tự mình hót 13 kỳ.

Dây thứ chín: Mở ngày 02/3/2018 (ngày 15/01/2018 âl) loại hội 500.000đ/15 ngày, 43 chân, hội viên thực hót 24 kỳ, Hân tự mình hót 05 kỳ.

Về số tiền chiếm đoạt của các lần tự ý hót hội: Hiện bị cáo không còn lưu giữ tài liệu, chứng cứ của từng lần tự ý hót hội; các hội viên cũng không nhớ và không cung cấp được chứng cứ, giấy tờ của các lần bị cáo tự ý hót hội. Do đó căn cứ vào số tiền của lần hót hội được lập đi, lập lại nhiều nhất trong dây hội để làm căn cứ tính số tiền bị cáo chiếm đoạt, cụ thể: Dây thứ nhất bị cáo chiếm đoạt **278.362.000đ** = 19.883.000đ x 14 kỳ; Dây thứ hai bị cáo chiếm đoạt **135.657.000đ** = 15.073.000đ x 09 kỳ; Dây thứ ba bị cáo chiếm đoạt **29.024.000đ** = 14.512.000đ x 02 kỳ; Dây thứ năm bị cáo chiếm đoạt **393.720.000đ** = 23.160.000đ x 17 kỳ; Dây thứ bảy bị cáo chiếm đoạt **261.417.000đ** = 20.109.000đ x 13 kỳ; Dây thứ chín bị cáo chiếm đoạt **42.340.000đ** = 8.468.000đ x 05 kỳ.

Đối với dây thứ mười: Bị cáo không tự mình hót hội nhưng bị cáo có ý thức chiếm đoạt rồi mới tiến hành mở dây hội. Điều này được chứng minh, dây hội này không có ai hót hội nhưng bị cáo lại thu nhận tiền góp hội của các hội viên rồi bỏ trốn. Do đó, hành vi này của bị cáo là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, dây hội thứ mười bị cáo chiếm đoạt của các hội viên tham gia hội **12.300.000đ**.

Ngoài thủ đoạn gian dối trên, bị cáo còn nói dối là có hội viên bán hội, tin lời bị cáo nên các hội viên đã mua các chân hội do bị cáo tự bán chiếm đoạt tiền cụ thể như sau:

Dây thứ hai: Mở ngày 02/3/2018dl (ngày 15/01/2018 âl) loại hội 1.000.000đ/15 ngày; Dây hội này ngày 30/01/2018 Hân bán không cho ông Thái Văn B2 01 chân, số tiền **31.135.000đ**; ngày 15/02/2019, bán không cho ông Nguyễn Hoàng D1 01 chân số tiền **34.875.000đ**.

Dây thứ tư: Mở ngày 23/10/2018 (ngày 15/9/2018 âm) loại hụi 1.000.000đ/15 ngày, gồm 62 chân; Dây hụi này Hân bán không 07 chân hụi chiếm đoạt **256.310.000đ**, gồm: Ngày 15/9/2018, bán cho bà Nguyễn Thị T1 01 chân, số tiền 39.680.000đ; Ngày 15/9/2018, bán cho bà Trương Kim L3 01 chân, số tiền 38.040.000đ; Ngày 06/10/2018, bán cho ông Nguyễn Văn M1 01 chân, số tiền 37.220.000đ; Ngày 15/10/2018, bán cho bà Võ Thị N1 01 chân, số tiền 34.170.000đ; Ngày 30/10/2018, bán cho ông Mã Thành T3 01 chân, số tiền 36.630.000đ; Ngày 15/01/2019, bán cho bà Lý Ngọc A1 01 chân, số tiền 35.600.000đ; Ngày 15/3/2019, bán cho bà Lý Ngọc A1 01 chân, số tiền là 34.970.000 đồng.

Dây thứ năm: Mở ngày 10/5/2017 (ngày 15/4/2017 âm) loại hụi 1.000.000đ/15 ngày; Dây hụi này Hân bán không cho Đặng Hồng D2 01 chân chiếm đoạt **30.550.000đ**.

Dây thứ sáu: Mở ngày 19/02/2019 (ngày 15/01/2019 âm) loại hụi 1.000.000đ/15 ngày; Dây hụi này Hân bán không 06 chân hụi chiếm đoạt **212.080.000đ**, gồm: Ngày 15/9/2018, bán cho bà Nguyễn Thị T1 01 chân, số tiền 36.960.000đ; Ngày 30/01/2019, bán cho bà Tạ Tuyết L1 01 chân, số tiền 36.960.000đ; Ngày 22/02/2019, bán cho bà Tạ Tuyết L1 01 chân, số tiền 31.700.000đ; Ngày 15/01/2019, bán cho bà Lý Ngọc A1 01 chân, số tiền 37.800.000đ; Ngày 15/02/2019, bán cho bà Lý Ngọc A1 02 chân, số tiền 68.660.000đ.

Dây thứ tám: Mở ngày 29/5/2018 (ngày 15/4/2018 âm) loại hụi 1.000.000đ/15 ngày; Dây hụi này Hân bán không 04 chân hụi chiếm đoạt **167.850.000đ**, gồm: Ngày 15/4/2018, bán cho Vương Đài Trang 02 chân, số tiền 89.050.000đ; Ngày 15/5/2018, bán cho Thái Văn B2 01 chân, số tiền 40.800.000đ; Ngày 15/9/2018, bán cho Nguyễn Hoàng D1 01 chân, số tiền 38.000.000đ.

Dây thứ chín: Mở ngày 02/3/2018 (ngày 15/01/2018 âm) loại hụi 500.000đ/15 ngày; Dây hụi này Hân bán không 03 chân hụi chiếm đoạt **44.070.000đ**, gồm: Ngày 15/01/2018, bán cho bà Sử Thị Trúc D8 01 chân, số tiền 13.870.000đ; Ngày 30/01/2018, bán cho bà Phạm Thị T2 01 chân, số tiền 15.100.000đ; Ngày 30/01/2018, bán cho bà Lâm Mộng N2 01 chân, số tiền 15.100.000đ.

Dây thứ mười: Mở ngày 04/5/2019 (ngày 30/3/2019 âm) loại hụi 1.000.000đ/15 ngày Hân bán không cho bà Lê Thị B1 01 chân, số tiền **28.290.000đ**.

Như vậy, bằng nhiều thủ đoạn bị cáo nói dối với các hụi viên trong dây hụi là có hụi viên hốt hụi nhưng thực chất bị cáo là người hốt chân hụi của hụi viên. Khi nói có hụi viên hốt hụi thì bị cáo không cho biết cụ thể hụi viên nào hốt. Tin lời bị cáo nên các hụi viên trong dây hụi đóng tiền hụi cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt. Bằng hành vi này bị cáo tự ý hốt 60 kỳ và gom 20 chân hụi chiếm đoạt với số tiền **1.152.820.000đ**.

Ngoài ra, bằng thủ đoạn gian dối bị cáo nói với các hụi viên là có hụi viên trong dây hụi bán chân hụi, tin tưởng lời bị cáo nên các hụi viên đã mua chân hụi. Nhưng thực chất không có hụi viên nào bán hụi như lời nói của bị cáo. Bằng hành

vi này bị cáo đã bán không 24 chân hụi chiếm đoạt số tiền **805.160.000đ**. Do đó, tổng số tiền bị cáo Hân chiếm đoạt **1.957.980.000đ**.

Hành vi này của bị cáo là vi phạm pháp luật, hành vi vi phạm pháp luật này Bộ luật hình sự quy định là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Với hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo đã thực hiện và số tiền bị cáo chiếm đoạt có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Ngọc H1 đã phạm vào Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 – Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

[3] Tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội là do từ việc có hụi viên hốt hụi nhưng vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết, để giữ uy tín cá nhân và có tiền chi tiêu bị cáo lừa dối các hụi viên để chiếm đoạt tiền để có tiền choàng hụi và chi tiêu. Đồng thời, còn có sự quá tin tưởng của các hụi viên đối với bị cáo trong việc tham gia chơi hụi nên bị cáo có cơ hội phạm tội với số tiền lớn và thời gian dài đến khi vỡ hụi các hụi viên mới phát hiện mình bị lừa dối. Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là để có tiền chi xài cá nhân và có tiền choàng hụi để giữ uy tín cá nhân.

Trong thời điểm hiện nay vấn đề phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tiền hụi xảy ra đang là vấn đề bức xúc của dư luận xã hội. Gây ảnh hưởng lớn đến tình hình trật tự ở địa phương, gây nhiều hệ lụy xấu đến nhiều người tham gia hụi. Do đó cần phải xử lý nghiêm, mức tù có thời hạn để răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Song quá trình lượng hình cũng cần xem xét đến nguyên nhân và điều kiện, động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo; cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội nhiều lần, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 2 Điều 52 – Bộ luật hình sự. Bị cáo có thành khẩn khai báo; Nhân thân bị cáo có cụ nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có người bác là liệt sĩ. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 – Bộ luật hình sự.

[5] Trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chịu trách nhiệm hình sự là 1.957.980.000đ, đây là số tiền bị cáo nhận được từ các bị hại. Còn số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là số tiền mà các bị hại bị thiệt hại do hành vi chiếm đoạt của bị cáo gây ra. Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt từ hành vi bị cáo tự ý hốt hụi: Tại phiên tòa có bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tính theo chân hụi chết; nghĩa là, bị cáo trả lại số tiền bị hại thực đóng hụi và bồi thường thiệt hại (tiền lãi hụi). Song, cũng có bị hại chỉ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị hại thực đóng. Đối với số tiền chiếm đoạt trong việc bán hụi không thì các bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị hại giao cho bị cáo để mua chân hụi. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại tiền theo yêu cầu của các bị hại. Do đó, số tiền bị cáo phải trả, bồi thường cho bị hại như sau:

- Lý Ngọc A1 số tiền 206.030.000đ gồm: Dây 2 = 29.000.000đ, dây 4 = 70.570.000đ, dây 6 = 106.460.000đ.

- Nguyễn Thị T1 số tiền 153.640.000đ gồm: Dây 2 = 29.000.000đ, dây 4 = 39.680.000đ, dây 5 = 48.000.000đ, dây 6 = 36.960.000đ.
- Võ Thị N1 số tiền 63.170.000đ gồm: Dây 2 = 29.000.000đ, dây 4 = 34.170.000đ.
- Nguyễn Hoàng D1 số tiền 498.795.000đ gồm: Dây 1 = 76.000.000đ, dây 2 = 63.875.000đ, dây 3 = 58.000.000đ, dây 5 = 144.000.000đ, dây 7 = 114.000.000đ, dây 8 = 38.000.000đ, dây 10 = 4.920.000đ.
- Thái Văn B2 số tiền 258.435.000đ gồm: Dây 1 = 38.000.000đ, dây 2 = 60.135.000đ, dây 3 = 29.000.000đ, dây 7 = 76.000.000đ, dây 8 = 40.800.000đ, dây 9 = 14.500.000đ.
- Lâm Mộng N2 số tiền 43.677.000đ gồm: Dây 7 = 20.109.000đ, dây 9 = 23.568.000đ.
- Mã Thành T3 số tiền 74.172.000đ gồm: Dây 3 = 14.372.000đ, dây 4 = 36.630.000đ, dây 5 = 23.170.000đ.
- Đặng Hồng D2 số tiền 447.050.000đ gồm: Dây 1 = 76.000.000đ, dây 2 = 58.000.000đ, dây 5 = 222.550.000đ, dây 7 = 76.000.000đ, dây 9 = 14.500.000đ.
- Nguyễn Hồng N3 số tiền 164.460.000đ gồm: Dây 1 = 38.000.000đ, dây 5 = 48.000.000đ, dây 7 = 76.000.000đ, dây 10 = 2.460.000đ nhưng chị N3 nợ hụi chết 32.000.000đ gồm: Dây 1 = 20.000.000đ, dây 5 = 3.000.000đ, dây 7 = 9.000.000đ, đối trừ bị cáo còn phải trả cho chị N3 132.460.000đ.
- Phạm Thị Út S số tiền 100.500.000đ gồm: Dây 5 = 48.000.000đ, dây 7 = 38.000.000đ, dây 9 = 14.500.000đ.
- Nguyễn Kiều D3 số tiền 42.322.000đ gồm: Dây 3 = 17.380.000đ, dây 7 = 24.942.000đ.
- Huỳnh Văn C số tiền 22.730.000đ gồm: Dây 3 = 14.277.000đ, dây 9 = 8.453.000đ).
- Nguyễn Hồng A2 số tiền 34.293.000đ gồm: Dây 1 = 19.756.000đ, dây 2 = 14.537.000đ.
- Lê Kiều O1: Dây 1, dây 7 bị cáo và chị O1 thống nhất đối trừ bị cáo và chị O1 không còn nợ nhau. Đối với dây 3, dây 4, dây 8, dây 9, dây 10 bị cáo và chị O1 thống nhất sau khi đối trừ 7.000.000đ tiền hụi chết của dây 9 thì bị cáo còn phải trả chị O1 37.403.000đ (BL: 534 – 536).
- Trịnh Thị Trà số tiền 76.835.000đ gồm: Dây 1 = 39.818.000đ, dây 3 = 28.724.000đ, dây 9 = 8.293.000đ.
- Nguyễn Thị O2 số tiền 58.000.000đ gồm: Dây 2 = 29.000.000đ, dây 3 = 29.000.000đ.
- Tô Thanh N4 số tiền 74.000.000đ gồm: Dây 1 = 37.000.000đ, dây 7 = 37.000.000đ (BL: 583 – 585).
- Trần Kim L5 số tiền 183.000.000đ gồm: Dây 1 = 38.000.000đ, dây 2 = 87.000.000đ, dây 3 = 58.000.000đ.
- Tô Thanh P số tiền 45.601.000đ gồm: Dây 2 = 14.908.000đ, dây 3 = 14.237.000đ, dây 9 = 16.456.000đ.

- Nguyễn Hoàng T5 số tiền 443.690.000đ gồm: Dây 1 = 76.000.000đ, dây 3 = 58.000.000đ, dây 5 = 192.000.000đ, dây 7 = 114.000.000đ, dây 10 = 3.690.000đ.
- Quách Kim A3 số tiền 43.500.000đ gồm: Dây 2 = 29.000.000đ, dây 9 = 14.500.000đ.
- Nguyễn Hồng T6 số tiền 76.000.000đ gồm: Dây 1 = 38.000.000đ, dây 7 = 38.000.000đ.
- Nguyễn Thu B3 số tiền 182.000.000đ gồm: Dây 1 = 38.000.000đ, dây 2 = 29.000.000đ, dây 3 = 29.000.000đ, dây 5 = 48.000.000đ, dây 7 = 38.000.000đ.
- Nguyễn Thị A4 số tiền 201.000.000đ gồm: Dây 1 = 38.000.000đ, dây 2 = 29.000.000đ, dây 5 = 96.000.000đ, dây 7 = 38.000.000đ nhưng bà A4 nợ hụi chết 43.000.000đ (Dây 1 = 11.000.000đ, dây 3 = 21.000.000đ, dây 7 = 11.000.000đ), đối trừ bị cáo còn phải trả cho bà A4 158.000.000đ.
- Lê Thị U1 số tiền 87.000.000đ gồm: Dây 2 = 58.000.000đ, dây 3 = 29.000.000đ.
- Lê Văn T8 số tiền 28.814.000đ gồm: Dây 2 = 14.277.000đ, dây 3 = 14.537.000đ.
- Nguyễn Minh D6 số tiền 15.127.000đ gồm: Dây 3 = 14.512.000đ, dây 10 = 615.000đ.
- Bùi Minh H3 số tiền 26.814.000đ gồm: Dây 2 = 15.073.000đ, dây 5 = 8.486.000đ, dây 6 = 3.255.000đ nhưng đối trừ hụi chết 02 chân của dây hụi thứ 5 là 8.000.000đ; còn lại bị cáo phải trả cho anh H3 18.814.000đ.
- Dương Thị N8: Dây 2 số tiền thực đóng là 15.073.000đ, dây 8 số tiền thực đóng là 11.970.000đ, tổng số tiền của 02 dây hụi thực đóng là 27.043.000đ. Nếu tính theo hụi chết tổng số tiền của 02 dây hụi là 52.000.000đ (Dây 2 = 29.000.000đ, dây 8 = 23.000.000đ); Song bà N8 còn nợ 02 chân hụi chết tại dây hụi thứ 9 với số tiền 12.000.000đ. Bà N8 đồng ý đối trừ số tiền nợ 12.000.000đ vào số tiền bị cáo phải trả cho bị hại xem như bà N8 không còn nợ bị cáo 12.000.000đ. Tại phiên tòa bà N8 chỉ yêu cầu bị cáo trả lại bà 27.043.000đ.
- Nguyễn Ngọc L9 số tiền 59.875.000đ gồm: Dây 1 = 39.766.000đ, dây 7 = 20.109.000đ.
- Phạm Thị T2 số tiền 23.568.000đ (Dây 9).
- Nguyễn Kim T4 số tiền 34.950.000đ (BL: 546 – 548).
- Nguyễn Văn L4 số tiền 16.906.000đ (Dây 9).
- Hoàng Thị K1 số tiền 27.430.000đ (Dây 5).
- Nguyễn Hồng D4 số tiền 58.000.000đ (Dây 2).
- Trần Thanh N5 số tiền 29.000.000đ (Dây 2).
- Trương Kim L3 số tiền 38.040.000đ (Dây 4).
- Nguyễn Thúy L6 số tiền 20.203.000đ (Dây 1).
- Vương Trọng L2 số tiền 89.050.000đ (Dây 8).
- Lê Thị B1 số tiền 28.905.000đ (Dây 10).

- Nguyễn Văn Mạnh số tiền 37.220.000đ (Dây 4).
- Lê Thị Trúc L7 số tiền 39.766.000đ (Dây 1).
- Trịnh Thị T7 số tiền 40.218.000đ (Dây 7).
- Trương Thị L8 số tiền 15.073.000đ (Dây 2).
- Trịnh Thị N7 số tiền 29.000.000đ (Dây 3).
- Trần Thị U2 số tiền 8.468.000đ (Dây 9).
- Nguyễn Thị K2 số tiền 14.500.000đ (Dây 9).
- Hồng Văn N6 số tiền 29.000.000đ (Dây 2).
- Tạ Tuyết L1 số tiền 68.660.000đ (Dây 6).
- Dương Phước H4 số tiền 38.000.000đ (Dây 1).
- Phạm Ngọc Mỹ số tiền 14.500.000đ (Dây 9).
- Sử Thị Trúc D8 số tiền 28.370.000đ (Dây 9).
- Hứa Văn H5 số tiền 47.010.000đ (Dây 2).

[6] Đối với bà Dương Thị X1 có tham gia dây hội thứ nhất 01 chân, số tiền thực đóng là 15.073.000đ. Song bà X1 không yêu cầu về dân sự nên không xem xét giải quyết trong vụ án này (BL: 691, 693).

Đối với bà Trịnh Thị H7 có tham gia dây hội thứ nhất số tiền thực đóng 19.883.000đ, dây hội thứ 5 số tiền thực đóng 23.160.000đ, dây hội thứ 6 số tiền thực đóng 6.510.000đ. Tại phiên tòa bà H6 xác định về dân sự để bà và bị cáo Hân tự tính toán đối chiếu và cân trừ nợ với nhau, không yêu cầu xem xét nên không xem xét giải quyết về dân sự trong vụ án này (BL: 682 – 684).

[7] Đối với dây hội thứ tư ngày 23/10/2018 (nhằm ngày 15/9/2018 âm), loại hội 1.000.000đ/15 ngày, gồm 62 chân; Dây hội thứ sáu ngày 19/02/2019 (nhằm ngày 15/01/2019 âm), loại hội 1.000.000đ/15 ngày, gồm 62 chân; Dây hội thứ tám ngày 02/3/2018 (nhằm ngày 15/01/2018 âm), loại hội 1.000.000đ/15 ngày, gồm 66 chân. Ba dây hội này bị cáo không có hành vi gian dối đối với các hội viên trong dây hội để chiếm đoạt tiền của các hội viên trong dây hội. Các dây hội này, bị cáo có hành vi gian dối đối với người khác trong việc bán khống chân hội. Do đó, nếu có tranh chấp xảy ra trong việc tham gia hội giữa các hội viên với bị cáo (chủ hội) trong các dây hội này thì giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[8] Đối với Nguyễn Thanh N9 là chồng của bị cáo Hân, chứng cứ có tại hồ sơ không đủ cơ sở để xác định ông N9 có đồng phạm cùng với bị cáo thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền hội của các hội viên. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này về trách nhiệm hình sự đối với ông N9 là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, việc bị cáo làm chủ hội ông N9 biết và có tham gia giúp bị cáo trong việc gom tiền hội. Tiền hưởng hoa hồng từ việc làm chủ hội được chi tiêu chung trong gia đình. Hậu quả của việc bị cáo chiếm đoạt tiền hội xảy ra trong giai đoạn hôn nhân vợ chồng giữa bị cáo Hân và ông N9 vẫn đang tồn tại. Theo quy định tại Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì ông N9 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bị cáo Hân hoàn trả, bồi thường thiệt

hại về số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại. Do đó, buộc ông Nguyễn Thanh N9 có nghĩa vụ liên đới cùng bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo và ông N9 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải hoàn trả cho các bị hại. Tổng số tiền bị cáo tiếp tục phải hoàn trả cho các bị hại trong vụ án này là **4.467.813.000 đồng**; án phí dân sự có giá ngạch bị cáo và ông N9 phải chịu là $112.467.813đ = 112.000.000đ + 0,1\% \times (4.467.813.000đ - 4.0000.000.000đ)$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 – Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc H1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc H1 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 – Bộ luật hình sự; Điều 27, Điều 37 – Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 – Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a và c khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Ngọc H1 và ông Nguyễn Thanh N9 cùng có nghĩa vụ trả cho các bị hại số tiền cụ thể sau:

Lý Ngọc A1 số tiền 206.030.000 đồng; Nguyễn Thị T1 số tiền 153.640.000 đồng; Tạ Tuyết L1 số tiền 68.660.000 đồng; Võ Thị N1 số tiền 63.170.000 đồng; Nguyễn Hoàng D1 số tiền 498.795.000 đồng; Lê Thị B1 số tiền 28.905.000 đồng; Nguyễn Văn Mạnh số tiền 37.220.000 đồng; Thái Văn B2 số tiền 258.435.000 đồng; Vương Trọng L2 số tiền 89.050.000 đồng; Lâm Mộng N2 số tiền 43.677.000 đồng; Phạm Thị T2 số tiền 23.568.000 đồng; Mã Thành T3 số tiền 74.172.000 đồng; Trương Kim L3 số tiền 38.040.000 đồng; Đặng Hồng D2 số tiền 447.050.000 đồng; Nguyễn Hồng N3 số tiền 132.460.000 đồng; Phạm Thị Út S số tiền 100.500.000 đồng; Nguyễn Kiều D3 số tiền 42.322.000 đồng; Huỳnh Văn C số tiền 22.730.000 đồng; Nguyễn Hồng A2 số tiền 34.293.000 đồng; Lê Kiều O1 số tiền 37.403.000 đồng; Nguyễn Kim T4 số tiền 34.950.000 đồng; Nguyễn Văn L4 số tiền 16.906.000 đồng; Trịnh Thị Trà số tiền 76.835.000 đồng; Nguyễn Thị O2 số tiền 58.000.000 đồng; Hoàng Thị K1 số tiền 27.430.000 đồng; Tô Thanh N4 số tiền 74.000.000 đồng; Nguyễn Hồng D4 số tiền 58.000.000 đồng; Trần Thanh N5 số tiền 29.000.000 đồng; Trần Kim L5 số tiền 183.000.000 đồng; Tô Thanh P số tiền 45.601.000 đồng; Nguyễn Thúy L6 số tiền 20.203.000 đồng; Nguyễn Hoàng T5 số tiền 443.690.000 đồng; Quách Kim A3 số tiền 43.500.000 đồng; Nguyễn Hồng T6 số tiền 76.000.000 đồng; Trịnh Thị T7 số tiền 40.218.000 đồng; Nguyễn Thu B3 số tiền 182.000.000 đồng; Nguyễn Thị A4 số tiền 158.000.000 đồng; Lê Thị U1 số tiền 87.000.000 đồng; Lê Văn T8 số tiền 28.814.000 đồng; Lê Thị Trúc L7 số tiền 39.766.000 đồng; Nguyễn Minh D6 số

tiền 15.127.000 đồng; Trần Thị U2 số tiền 8.468.000 đồng; Nguyễn Thị K2 số tiền 14.500.000 đồng; Hồng Văn N6 số tiền 29.000.000 đồng; Bùi Minh H3 số tiền 18.814.000 đồng; Trương Thị L8 số tiền 15.073.000 đồng; Trịnh Thị N7 số tiền 29.000.000 đồng; Dương Thị N8 số tiền 27.043.000 đồng; Dương Phước H4 số tiền 38.000.000 đồng; Phạm Ngọc Mỹ số tiền 14.500.000 đồng; Sử Thị Trúc D8 số tiền 28.370.000 đồng; Hứa Văn H5 số tiền 47.010.000 đồng; Nguyễn Ngọc L9 số tiền 59.875.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí: + Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Phạm Ngọc H1 phải chịu 200.000 đồng.

+ Án phí dân sự có giá ngạch bị cáo Phạm Ngọc H1 và ông Nguyễn Thanh N9 cùng phải chịu 112.467.000 đồng.

Bị cáo, các bị hại, người có liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Cà Mau;
- Cục THA DS tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Cán bộ THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ , án văn, Tòa hình sự;
- Lưu VT (TA:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Miễn